

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 20/2020/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Đức Đ; Địa chỉ: thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Bùi Thị T; ĐKKHKT: Thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Quảng Ninh;
Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức Đ và chị Bùi Thị T thực sự thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Đ và chị T có 01 con chung là Lê Quốc Bảo A – Sinh ngày: 06/11/2013. Anh Đ và chị T tự nguyện thỏa thuận sau khi ly hôn, chị T nuôi dưỡng con chung Lê Quốc Bảo A cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ(Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tài sản, vay nợ chung: Không có.

[4] Về lệ phí: Anh Đ và chị T thống nhất để anh Đ là người chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức Đ và chị Bùi Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn, chị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Quốc Bảo A – Sinh ngày: 06/11/2013 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ(Hai triệu đồng)/01 tháng cho chị T nuôi con. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Lê Quốc Bảo A đủ 18 tuổi; Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, vay nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Đức Đ tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), anh Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002177 ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện V;
- UBND xã X, huyện V;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Chính Nghĩa